TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2019/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng xây dựng về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hà
2. Bà Lê Thị Thu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng xây dựng về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ xx phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Vũ Thiên N, sinh năm 198x. Địa chỉ: Số nhà xx đường H, phường x, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Văn Luận; Địa chỉ: xx đường t, tổ x phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Ngân hàng TMCP Nam Á; Địa chỉ 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, phường 4 quận 3, TP Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của của nguyên đơn thể hiện:*

Vào tháng 8 năm 2015, tôi (Huỳnh Ngọc B) và bà Hồ Vũ Thiên N có thỏa thuận về việc thiết kế, thi công nhà trọn gói tại thửa đất số xxx (xxx cũ), tờ bản đồ số x (x cũ) phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo giấy phép xây dựng số 1130/GPX ngày 28/7/2017 do UBND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Hồ Vũ Thiên N.

Đến đầu tháng 8 năm 2015 nhóm thợ của tôi (Huỳnh Ngọc B) bắt đầu tiến hành thi công nhà ở tại vị trí lô đất nói trên, đến tháng 01/2016 thì công trình hoàn thành, tuy nhiên bà N trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin nợ lại tiền thi công và bà N xin phép được chuyển vào nhà mới để ở. Do nghĩ hoàn cảnh khó khăn nên mặc dù chưa thanh toán hết số tiền còn lại như hai bên thỏa thuận nhưng tôi vẫn đồng ý cho bà N chuyển và nhà mới ở, hiện nay cha của bà N là ông Hồ Văn L đang quản lý trông nom căn nhà này. Công nợ chốt đến thời điểm này là 1.112.812.003 đồng (một tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm mười hai nghìn không trăm lẻ ba đồng).

Sau nhiều lần đề nghị thanh toán thì bà N đã thanh toán nhiều đợt đến tháng 11 năm 2016 thì bà N không còn thanh toán thêm lần nào nữa. Ngày 14 tháng 8 năm 2017 hai bên đã xác nhận công nợ còn lại chưa thanh toán cụ thể: Chủ đầu tư bà Hồ Vũ Thiên N xác nhận công nợ (tại hai giấy xác nhận) tổng số tiền: 620.985.928 đồng và hẹn đến ngày 15 tháng 8 (âm lịch) tức là ngày 04 tháng 10 năm 2017 sẽ hoàn trả số tiền trên và thỏa thuận lãi suất phạt quá hạn là 3%/1 tháng tính từ ngày 30 tháng 6 (âm lịch) tức ngày 21 tháng 8 năm 2017.

Tuy nhiên kể từ ngày xác nhận công nợ còn lại ngày 14/8/2018 đến nay bà Hồ Vũ Thiên N không thanh toán thêm cho tôi được lần tiền nào, mặc dù tôi đã nhiều lần đến nhà gặp trực tiếp yêu cầu trả nợ.

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18/9/2018 tôi yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết buộc bà hồ Vũ Thiên N phải trả số tiền còn nợ là 863.170.439đ (Tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm bảy mươi ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ là 620.985.928 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2017 âm lịch đến nay là 242.184.511 đồng).

Nay tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu về tiền lãi cụ thể: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả số tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 103.083.664 đồng (lãi suất được tính từ ngày

05/10/2018 (ngày 16/8 âm lịch) đến ngày 26/4/2019 là 20 tháng: 620.985.928 đồng x 20 tháng x 0,83% = 103.083.664 đồng).

Tổng cộng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Vũ Thiên N phải trả số tiền còn nợ là 724.069.592 đồng, trong đó: Nợ gốc 620.985.928 đồng; nợ lãi là 103.083.664 đồng.

* Đối với bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N mặc dù Toà án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Hồ Vũ Thiên N vẫn không có mặt tại Tòa án và không có lời khai không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn L mặc dù Toà án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Hồ Văn L vẫn không có mặt tại Tòa án và không có lời khai không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản tự khai gửi đến Tòa án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Nam Á thể hiện:

Ngày 28/4/2016 Ngân hàng TMCP A và bà Hồ Vũ Thiên N đã ký hợp đồng thế chấp số 0xx-0xx/20xx/100-BĐ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần thế giới B theo Hợp đồng tín dụng số 02xx-0x/201x/10x ngày 28/4/2016. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ trao đổi và tạo điều kiện để công ty Cổ phần B thực hiện nghịa vụ trả nợ, tuy nhiên Công ty đã liên tiếp vi phạm cam kết và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 08/01/2019 là 3.424.991.712 đồng (nợ gốc 2.600.000.000 đồng, nợ lãi 824.991.712 đồng).

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp giữa bà Hồ Vũ Thiên Nhi và Ngân hàng TMCP A về phương thức xử lý tài sản bảo đảm, thì ngày 05/12/2018 Ngân hàng TMCP A đã tiến hành thủ tục thu giữ để xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán khoản vay quá hạn, hiện nay đang thực hiện các thủ tục định giá, bán đấu giá để xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình thực hiện giao dịch với bà Hồ Vũ Thiên N thì Ngân hàng không biết việc bà Ni còn nợ tiền thi công công trình của ông Huỳnh Ngọc B. Việc ông Huỳnh Ngọc B khởi kiện bà Hồ Vũ Thiên N yêu cầu trả tiền nợ thi công nhà trọn gói tại thửa đất số xx (2xx cũ), tờ bản đồ số xx (xx cũ) phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, nay là tài sản đang bảo lãnh thế chấp tại Ngân hàng A, thì Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh khê đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71,72 và 227 Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N phải trả cho ông Huỳnh Ngọc B toàn bộ số tiền gốc, lãi còn nợ là 724.069.592 đồng, trong đó: Nợ gốc 620.985.928 đồng; nợ lãi là 103.083.664 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào tháng 8 năm 2015, ông Huỳnh Ngọc B và bà Hồ Vũ Thiên N có thỏa thuận về việc thiết kế, thi công nhà trọn gói tại thửa đất số xxx (xx cũ), tờ bản đồ số xx (xx cũ) phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Sau khi công trình hoàn thành bà N đã không thực hiện việc trả tiền thi công theo giấy xác nhận công nợ ngày 14/8/2017 dẫn đến xảy ra tranh chấp, nên xác định đây là vụ án dân sự về: "Tranh chấp hợp đồng xây dựng về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N, sinh năm 198x. Cư trú tại địa chỉ: Số nhà x đường H, phường x, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên thỏa thuận của hợp đồng xây dựng nhà trọn gói giữa ông Huỳnh Ngọc B và bà Hồ Vũ Thiên N được thực hiện tại tại thửa đất số xxx (xx cũ), tờ bản đồ số xx (xx cũ), tổ xx phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng . Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35 và 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản phản hồi, không tham gia trong quá trình tố tụng và không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập, cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án:

[3] Thỏa thuận về việc thiết kế, thi công nhà trọn gói tại thửa đất số xx (xx cũ), tờ bản đồ số xx (xx cũ) tổ xx phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữa ông Huỳnh Ngọc B và bà hồ Vũ Thiên Ntheo giấy phép xây dựng số 1xx/GPX ngày 28/7/2017 do UBND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Hồ Vũ Thiên N, đây là giao dịch dân sự mà các bên đương sự tự nguyện tham gia giao dịch, mục đích và nội dung của giao dịch là hoàn toàn hợp pháp không trái pháp luật.

Tháng 01 năm 2016 công trình hoàn thành, hai bên đã chốt công nợ đến thời điểm này là 1.112.812.003 đồng (một tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm mười hai nghìn không trăm lẻ ba đồng). Sau nhiều lần thanh toán thì từ tháng 11 năm 2016 bà N không còn thanh toán thêm lần nào nữa. Ngày 14 tháng 8 năm 2017 hai bên đã xác nhận lại công nợ theo đó chủ đầu tư là bà Hồ Vũ Thiên N đã xác nhận còn nợ anh Huỳnh Ngọc B tổng số tiền: 620.985.928 đồng và hẹn đến ngày 15 tháng 8 (âm lịch) tức là ngày 04 tháng 10 năm 2017 sẽ hoàn trả số tiền trên và thỏa thuận lãi suất phạt quá hạn là 3%/1 tháng tính từ ngày 30 tháng 6 (âm lịch) tức ngày 21 tháng 8 năm 2017. Tuy nhiên đến nay bà N vẫn không thực hiện đúng cam kết. Như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 278, Điều 280 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 620.985.928 đồng.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi chậm thanh toán: Do bà Hồ Vũ Thiên N vi phạm cam kết thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy xác nhận công nợ ngày 14/8/2017 nên việc nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc B yêu cầu trả lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặc dù theo thỏa thuận tại giấy xác nhận công nợ ngày 14/8/2017 thì bà Hồ Vũ Thiên N phải chịu lãi suất phạt quá hạn là 3%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Ngọc B chỉ yêu cầu bà N phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất là 0,83%/tháng là 103.083.664 đồng(lãi suất tính từ ngày 05/10/2018 (ngày 16/8 âm lịch) đến ngày 26/4/2019 là **20** tháng: 620.985.928 đồng x 0,83% x 20 tháng = 103.083.664 đồng) . HĐXX xét thấy yêu cầu lãi đối với số tiền chậm thanh toán của nguyên đơn là sự tự nguyện và phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 351, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Từ những nhận định tại: [3], [4]. HĐXX, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại các Điều 278, 280, 351, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Thanh Khê đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Hồ Vũ Thiên N, ông Hồ Văn L, trong đó xác định số tiền mà ông Huỳnh Ngọc B yêu cầu phía bị đơn phải trả. Đồng thời, Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhiều lần, tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải cũng như hai lần mở phiên toà. Như vậy, bà Hồ Vũ Thiên N, ông Hồ Văn L đã mặc nhiên từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[9] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP A: Ngày 28/4/2016 Ngân hàng TMCP A và bà Hồ Vũ Thiên N đã ký hợp đồng thế chấp số 0xxx-xxxx/201x/100-BĐ theo đó bà N đã dùng tài sản của mình là nhà và đất tại thửa đất số xxx (xx cũ), tờ bản đồ số xx (xx cũ) tổ xx phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để bảo lãnh cho Công ty Cổ phần thế giới B theo Hợp đồng tín dụng số 0xxx-0x/201x/10x ngày 28/4/2016. Hợp đồng thế chấp đã

được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện giao dịch thì Ngân hàng không biết việc bà Nx đang còn nợ tiền thi công công trình với ông Bx nên Tòa án không xem xét trách nhiệm của Ngân hàng TMCP A.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Hồ Vũ Thiên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 26, 35, 40, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 278, 280, 351, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện V/v *"Tranh chấp hợp xây dựng về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* của ông Huỳnh Ngọc B đối với bà Hồ Vũ Thiên N.

2. Buộc bà Hồ Vũ Thiên Nphải trả cho ông Huỳnh Ngọc B số tiền 724.069.592 đồng; trong đó nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 620.985.928 đồng và nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 26/4/2019 là 103.083.664 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: - Án phí DS-ST: 32.962.784 đồng bà Hồ Vũ Thiên N phải chịu.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc B số tiền tạm ứng án phí 18.947.500 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004205 ngày 20/9/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Khánh